

Số: 153/TB-UBND

Đại Lãnh, ngày 10 tháng 07 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ - HĐND xã khoá XIII được thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 27/12/2022 về dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Đại Lãnh về Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/07/2024 của HĐND xã Đại Lãnh về việc Phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2023.

Nay UBND xã Đại Lãnh thông báo về việc niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết công khai thu, chi ngân sách quý 4 năm 2023 kể từ hồi 09 giờ 00 phút ngày 10 tháng 07 năm 2024 đến 09 giờ 00 phút ngày 24 tháng 07 năm 2024.

2. Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND xã Đại Lãnh.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu công chức Kế toán - ngân sách xã, Đài truyền thanh xã và BND 8 thôn thông báo tới toàn thể nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban ngành xã;
- BND 8 thôn;
- Lưu: Vp-Vt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Thị Minh Phương

Số: 112/QĐ-UBND

Đại Lãnh, ngày 10 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ - HĐND xã khoá XIII được thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 27/12/2022 về dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Đại Lãnh về Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/07/2024 của HĐND xã Đại Lãnh về việc Phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2023.

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 cụ thể như sau:

A. Tổng thu ngân sách: (I+II) 15.783.709.803 đồng.

I. Thu phát sinh kinh tế trên địa bàn: 962.560.381 đồng.

+ Khoản thu 100%: 383.647.912 đồng.

+ Các khoản phân chia tỷ lệ: 578.912.469 đồng.

II. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 13.488.852.047 đồng.

III. Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2022: 1.332.297.375 đồng.

B. Tổng chi ngân sách: (I+II+III+IV+V) 15.783.709.803 đồng.

I. Chi đầu tư xây dựng: 2.525.093.000 đồng.

II. Chi thường xuyên: 12.349.041.346 đồng.

III. Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau: 795.830.457 đồng.

IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 113.745.000 đồng.

(Chi tiết thu, chi ngân sách quý 4 năm 2023 đính kèm theo các biểu mẫu)

Điều 2: Thời gian và địa điểm công khai

Địa điểm niêm yết công khai: Tại phòng 1 của UBND xã Đại Lãnh

Thời gian niêm yết công khai: 15 ngày làm việc kể từ hồi kể từ hồi 09 giờ 00 phút ngày 10 tháng 07 năm 2024 đến 09 giờ 00 phút ngày 24 tháng 07 năm 2024.

Điều 3: Công chức Văn phòng – Thống kê, công chức Tài chính – Kế toán xã và các ban ngành đoàn thể có liên quan Căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban ngành xã;
- BND 8 thôn;
- Lưu: Vp-Vt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Thị Minh Phương

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	15.783.709.803	TỔNG SỐ CHI	15.783.709.803
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	383.647.912	I. Chi đầu tư phát triển	2.525.093.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	578.912.469	II. Chi thường xuyên	12.349.041.346
III. Thu bổ sung	13.488.852.047	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	795.830.457
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.070.000.000	- Chuyển nguồn XDCB	83.542.000
- Bổ sung có mục tiêu	7.418.852.047	- Chuyển nguồn thường xuyên	712.288.457
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	-	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	113.745.000
V. Thu viện trợ	-		
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.332.297.375		
Kết dư ngân sách	-		

Người lập



Nguyễn Tấn Thôi

Thủ trưởng đơn vị



Trưởng Thị Minh Phương

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.032.000.000	11.032.000.000	13.574.984.547	13.488.852.047	123,05	122,27
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	6.070.000.000	6.070.000.000	6.070.000.000	6.070.000.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung mục tiêu theo kế hoạch	4.962.000.000	4.962.000.000	7.504.984.547	7.418.852.047	151,25	149,51
-	Mục tiêu XD CB	1.337.000.000	1.337.000.000	2.453.875.000	2.453.875.000	183,54	183,54
-	Mục tiêu thường xuyên	3.625.000.000	3.625.000.000	5.051.109.547	4.964.977.047	139,34	136,96
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2022 chuyển sang			1.332.297.375	1.332.297.375		
	- Thu chuyển nguồn XD CB			264.963.000	264.963.000		
	- Thu chuyển nguồn chi thường xuyên			1.067.334.375	1.067.334.375		
VI	Thu kết dư ngân sách năm 2022 chuyển sang			-	-		

Người lập



Nguyễn Tấn Thôi

Thủ trưởng đơn vị



Trương Thị Minh Phương

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	11.772.853.658	11.698.000.000	16.020.292.486	15.783.709.803	136,08	134,93
I	Các khoản thu 100%	325.000.000	325.000.000	385.570.073	383.647.912	118,64	118,05
1	Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	35.233.000	35.233.000	176,17	176,17
2	Phí môn bài các cá nhân, hộ SXKD	38.000.000	38.000.000	35.300.000	34.300.000	92,89	90,26
3	Thu đất 5% và hoa lợi công sản	150.000.000	150.000.000	150.857.000	150.857.000	100,57	100,57
4	Thu khác	95.000.000	95.000.000	110.714.261	109.792.100	116,54	115,57
-	Thu mặt bằng	71.500.000	71.500.000	72.262.100	72.262.100	101,07	101,07
-	Thu phạt ANTT, ATGT	20.500.000	20.500.000	32.500.000	32.500.000	158,54	158,54
-	Khác	3.000.000	3.000.000	5.952.161	5.030.000		
5	Thu cấp quyền sử dụng đất xen ghép xã chủ DA						
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	22.000.000	22.000.000	53.465.812	53.465.812	243,03	243,03
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	415.853.658	341.000.000	727.440.491	578.912.469	174,93	169,77
1	Thuế thu nhập cá nhân	245.121.951	201.000.000	322.755.542	264.659.590	131,67	131,67
2	Thuế GTGT từ các hộ cá nhân, hộ SXKD	170.731.707	140.000.000	404.684.949	314.252.879	237,03	224,47

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	11.698.000.000	1.337.000.000	10.361.000.000	15.783.709.803	2.608.635.000	13.175.074.803	134,93	195,11	127,16
I	Chi thường xuyên	11.565.000.000	1.337.000.000	10.228.000.000	14.741.134.346	2.525.093.000	12.216.041.346	127,46	188,86	119,44
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	509.182.000	0	509.182.000	530.187.423	0	530.187.423	104,13		104,13
2	Chi sự nghiệp giáo dục	1.721.000.000	0	1.721.000.000	1.720.283.200	0	1.720.283.200	99,96		99,96
3	Chi sự nghiệp y tế và dân số	89.000.000	0	89.000.000	85.390.000	0	85.390.000	95,94		95,94
4	Chi hoạt động phát thanh	82.800.000		82.800.000	75.000.000		75.000.000	90,58		90,58
5	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	628.200.000	308.000.000	320.200.000	1.292.920.744	894.615.000	398.305.744	205,81	290,46	124,39
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	82.800.000	0	82.800.000	105.510.000	0	105.510.000	127,43		127,43
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.288.000.000	1.029.000.000	259.000.000	2.182.138.454	1.630.478.000	551.660.454	169,42		213,00
8	Chi kiến thiết thị chính	500.000.000	0	500.000.000	499.970.000	0	499.970.000	99,99		99,99
9	Chi sự nghiệp xã hội	775.500.000	0	775.500.000	902.360.947	0	902.360.947	116,36		116,36
10	Chi sự nghiệp môi trường	72.000.000	0	72.000.000	100.929.200	0	100.929.200	140,18		140,18
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.786.818.000	0	5.786.818.000	7.211.417.078	0	7.211.417.078	124,62		124,62
12	Chi khác	29.700.000		29.700.000	35.027.300		35.027.300	117,94		117,94
II	Dự phòng	133.000.000		133.000.000	133.000.000		133.000.000	100,00		100,00
III	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0	0	0	795.830.457	83.542.000	712.288.457			
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				113.745.000	0	113.745.000			

Người lập



Nguyễn Tấn Thới

Thủ trưởng đơn vị



Trương Thị Minh Phương

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2023
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2023			
					Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước
TỔNG SỐ		9.618.891.000	172.547.000	-	2.525.093.000	1.408.218.000	1.408.218.000	-
1. Công trình chuyển tiếp		7.119.604.000	172.547.000	-	1.408.218.000	1.408.218.000	1.408.218.000	
- Khu công viên, vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi; (7942018)	23/12/2021 21/02/2022	919.218.000			151.218.000	151.218.000	151.218.000	
- XM chợ Hà Tân; HM: Khối nhà lồng chính và các hạng mục phụ trợ		4.474.918.000			1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
- Xây mới NVH & KTT thôn Hoàng Phước Bắc	08/11/2018 06/12/2018	609.354.000	60.935.000		91.000.000	91.000.000	91.000.000	
- Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Đại An	01/07/2019 15/08/2019	241.676.000	24.168.000		36.000.000	36.000.000	36.000.000	
- Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Tân Hà	01/07/2019 15/08/2019	246.099.000	24.610.000		36.000.000	36.000.000	36.000.000	
- Xây mới NVH & KTT thôn Hà Tân	25/06/2019 25/10/2019	628.339.000	62.834.000		94.000.000	94.000.000	94.000.000	
Trong đó: hoàn thành trong năm		-	-	-	-	-	-	
2. Công trình khởi công mới	-	66.588.000	-	-	30.680.000	-	-	
- GTNT thôn Tân Hà: Bà Trang - Ông Công, dài 59m	23/06/2023 07/07/2023	31.616.000			14.654.000			
- GTNT thôn Hà Dục Tây: Ông Mỹ - Tộc Quách, dài 40m	23/06/2023 07/07/2023	21.480.000			9.938.000			
- GTNT thôn Hà Dục Tây: Ông Cẩn - Ông Ngọ, dài 40m	23/06/2023 07/07/2023	13.492.000			6.088.000			

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2023			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Trong đó: hoàn thành trong năm		2.432.699.000	-	-	1.086.195.000	-	-	
- GTNT đường DX7 (Nhà bà hời - Sân vận động, dài 667m)	22/06/2023 20/07/2023	708.466.000			286.276.000			
- GTNT thôn Đại An (Ông Quốc - Ông Đơn), dài 150m)	21/06/2023 17/08/2023	135.539.000			55.204.000			
- GTNT thôn Hà Dục Đông: Bà Dế - Ông Chánh (Đoạn ông Việt - Ngã Tư), dài 45m	04/07/2023 25/07/2023	40.211.000			16.578.000			
- GTNT thôn Tinh Đông Tây: HTX cũ - Gò Bàn, dài 284m	21/06/2023 17/08/2023	137.374.000			55.446.000			
- GTNT thôn Hà Dục Đông: Ông Khâu - Bà Rách, dài 90m	21/06/2023 09/08/2023	55.198.000			22.340.000			
- GTNT đường DX7 (ĐH13 - Nhà ông Tri), dài 382m)	22/06/2023 10/07/2023	405.749.000			163.954.000			
- Nâng cấp sân nền nhà văn hóa xã	03/06/2023 26/08/2023	950.162.000			486.397.000			

Người lập



Nguyễn Tấn Thôi

Thủ trưởng đơn vị



Trương Thị Minh Phương

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	65.825.000	46.960.000	18.865.000	71.312.000	73.686.883	(2.374.883)
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	23.865.000	10.000.000	13.865.000	17.545.000	26.550.883	(9.005.883)
Quỹ Bảo trợ trẻ em	5.000.000		5.000.000	12.185.000	14.650.000	(2.465.000)
Quỹ Phòng chống Thiên tai	36.960.000	36.960.000	-	41.582.000	32.486.000	9.096.000
2. Thu hộ	-	-	-	341.602.000	1.700.000	339.902.000
Quỹ người cao tuổi	-	-	-	-	1.700.000	(1.700.000)
Vốn đối ứng đường GTNT	-			34.313.000	-	34.313.000
Vốn đối ứng đường GTNĐ				114.149.000	-	114.149.000
Vốn đối ứng NVH và KTT thôn				55.003.000	-	55.003.000
Mặt bằng chợ Hà Tân				138.137.000	-	138.137.000

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
3. Chi hộ				1.630.203.622	1.425.142.670	205.060.952
Trung tâm đầu giá hợp danh				130.450.000	-	130.450.000
Chi hộ khác				50.000.000	-	50.000.000
Phòng LD TB&XH				437.040.000	437.040.000	-
Quỹ bảo vệ môi trường rừng				46.478.068	37.034.670	9.443.398
Công trình Nghĩa trang Liệt sĩ (PLDTB)				900.000.000	900.000.000	-
Chi thù lao cho đại lý thu				58.924.554	43.757.000	15.167.554
Quỹ trung tâm phát triển quỹ đất				7.311.000	7.311.000	-

Người lập



Nguyễn Tấn Thôi

Thủ trưởng đơn vị



Trưởng Thị Minh Phương